

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 347/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 04-7-2017

V/v tranh chấp “ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Minh Đạt
2. Ông Dương Văn Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1621/2017/QĐXX-ST ngày 30 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phan Thị H, sinh năm: 1968. Có mặt.

Địa chỉ: 109/2 ấp HB, thị trấn T, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Trần Văn N, sinh năm: 1969. Vắng mặt.

Địa chỉ: 109/2 ấp HB, thị trấn T, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27-3-2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn Phan Thị H trình bày:

Về hôn N: Bà đăng ký kết hôn với ông Trần Văn N tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện P, tỉnh Bến Tre vào ngày 27-8-1997, hôn nhân giữa bà và ông N là tự nguyện. Do sống chung có nhiều mâu thuẫn nên bà đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống và đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh, vợ chồng sống ly thân. Do hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nên bà xin ly hôn với ông N. Khi ly hôn bà không yêu cầu ông N cấp dưỡng cho bà.

Về nuôi con chung: Bà và ông N có hai con chung là Trần Quang N, sinh ngày 14-3-1993 và Trần Quang T, sinh ngày 08-5-2002. Nếu ly hôn bà yêu cầu được nuôi cháu T, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Cháu N đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản: Vợ chồng bà có tài sản chung nhưng bà không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Trần Văn N đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu của Tòa án nhiều lần đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án quyết định xét xử vắng mặt đối với ông Trần Văn N theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về hôn N:* Hôn nhân của bà Phan Thị H và ông Trần Văn N là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên cự cãi, phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng đã có thời gian sống ly thân. Bà H xác định hôn nhân không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu ly hôn với ông N. Ông N biết rõ việc bà H có đơn xin ly hôn với ông và ông đã được Tòa án tổng đạt các thông báo thụ lý; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu của Tòa án nhiều lần đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Từ đó có căn cứ kết luận tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H có yêu cầu ly hôn với ông N là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H, cho bà H ly hôn với ông N. Do bà H không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn nên không xem xét.

[3] *Về nuôi con chung:* Bà H và ông N có hai con chung là Trần Quang N, sinh ngày 14-3-1993 và Trần Quang T, sinh ngày 08-5-2002. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được nuôi cháu T, cháu N đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết. Xét cháu T có nguyện vọng sống chung với bà H, bà H có đủ điều kiện trực tiếp nuôi con nên có căn cứ giao cháu T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Đối với cháu N đã trưởng thành, bà H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Bà H không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được ai cản trở. Bà H, ông N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về chia tài sản, nợ chung:* Bà H không yêu cầu nên không xem xét.

[5] *Về án phí:* Bà H phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí, Điều 26, 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H. Cho bà Phan Thị H ly hôn với ông Trần Văn N. Bà H không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Bà H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Quang T, sinh ngày 08-5-2002 (theo nguyện vọng của cháu T). Ông N không cấp dưỡng nuôi con chung do bà H không yêu cầu. Con chung Trần Quang N, sinh ngày 14-3-1993 đã trưởng thành bà H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được ai cản trở. Bà H, ông N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản, nợ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Phan Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà H đã nộp theo Biên lai số 0004936 ngày 28-3-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện P;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện P;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Ủy ban nhân dân thị trấn T;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Thanh Minh